

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2011/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 76/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

Căn cứ Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung với nội dung sau đây:

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“**Điều 3.** Thủ tục chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo, giải trình các nội dung quy định tại Điều 39 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

c) Bản sao hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay;

d) Bản sao tài liệu khẳng định tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh của bên thuê (trong trường hợp cho thuê), bên cho thuê tàu bay (trong trường hợp thuê), người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay;

đ) Bản sao tài liệu về các thông số kỹ thuật của tàu bay;

e) Bản sao tài liệu thể hiện quyền (chiếm hữu, sở hữu, sử dụng) của bên cho thuê đối với tàu bay; đối với trường hợp thuê tàu bay có tổ bay, cho thuê tàu bay không có tổ bay cần bổ sung Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay, chứng chỉ bảo hiểm.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, xem xét nội dung hồ sơ và quyết định chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay của tổ chức, cá nhân.

Trường hợp hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.”.

2. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đăng ký Điều lệ vận chuyên

1. Hãng hàng không đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyên nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Điều lệ vận chuyên.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định đăng ký Điều lệ vận chuyên. Quyết định đăng ký

Điều lệ vận chuyển có hiệu lực kể từ ngày Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam ký Quyết định.

Trường hợp hồ sơ đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyển chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.”.

3. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“**Điều 9.** Cấp, gia hạn Giấy phép, Giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động đại diện, bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

1. Hãng hàng không nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các Giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh);

c) Bản sao Điều lệ hoạt động của hãng hàng không bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh;

d) Bản sao các tài liệu xác nhận quyền sử dụng trụ sở nơi đặt Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé tại Việt Nam;

đ) Bản gốc thư bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh).

Hãng hàng không đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

2. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện;

c) Bản sao thỏa thuận về việc ủy quyền đại diện tại Việt Nam giữa hãng hàng không nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

3. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân đề nghị;

c) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các Giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh);

d) Bản sao hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé.

Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

4. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép, Giấy chứng nhận:

a) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé do Cục Hàng không Việt Nam cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và hết lực trong trường hợp vi phạm các quy định nêu tại khoản 5 Điều 123 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam hoặc theo đề nghị của hãng hàng không.

b) Bất kỳ thay đổi trong nội dung của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé đã được cấp, hãng hàng không nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này và các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, xem xét quyết định điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé.

Trường hợp hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có thời hạn không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp.

d) Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài do Cục Hàng không Việt Nam cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và hết lực trong các trường hợp sau: theo đề nghị của doanh nghiệp và được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận; hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài hết hiệu lực; doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé không chính thức đi vào hoạt động trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận; doanh nghiệp ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

5. Khi hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn hoạt động đại diện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp trong thời hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đã được cấp.

6. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, xem xét, quyết định việc cấp, gia hạn, điều chỉnh Giấy phép, Giấy chứng nhận nêu tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều này.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh Giáp phép, Giấy chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.”.

4. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp

1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam;

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận.

2. Trong trường hợp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài tại Việt Nam, hồ sơ đăng ký bao gồm các tài liệu sau:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Bản sao hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;

d) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.

3. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp có thời hạn hiệu lực không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp và có thể được gia hạn. Người đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đã được cấp;

c) Báo cáo về hoạt động trong thời hạn Giấy chứng nhận đã được cấp.

d) Bản sao gia hạn Hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp (trường hợp hợp đồng có quy định thời hạn hiệu lực) hoặc bản sao Hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp (trường hợp hợp đồng không quy định thời hạn hiệu lực).

Doanh nghiệp đề nghị cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, xem xét quyết định việc cấp, gia hạn Giấy chứng nhận.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn Giấy chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.”.

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Hãng hàng không đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay;

c) Báo cáo về đường bay và kế hoạch khai thác dự kiến;

d) Bản sao tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân và Điều lệ hoạt động của hãng.”.

6. Sửa đổi tên Điều 15 như sau:

“**Điều 15.** Căn cứ cấp quyền vận chuyển hàng không.”.

7. Sửa đổi Điều 17 như sau:

“**Điều 17.** Thủ tục phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

- b) Bản sao hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không;
- c) Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với mã hiệu, biểu tượng hoặc các hình ảnh thương hiệu khác của hãng hàng không chuyển nhượng quyền khai thác.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, đánh giá nội dung hồ sơ và quyết định phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.

Trường hợp hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.”.

8. Bổ sung Điều 18b như sau:

“**Điều 18b.** Phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đi, đến Việt Nam

1. Hãng hàng không nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax đến Cục Hàng không Việt Nam. Trường hợp Hiệp định giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ về vận chuyển hàng không có quy định khác với quy định của Điều này thì áp dụng theo quy định của Hiệp định đó. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Bảng giá cước và điều kiện áp dụng.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, quyết định phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ đề nghị phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.”.

9. Sửa đổi tên Chương VII như sau:**“CHƯƠNG VII****THỦ TỤC CẤP PHÉP BAY CHO CÁC CHUYẾN BAY THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG BAY DÂN DỤNG TẠI VIỆT NAM”.****10. Sửa đổi Điều 19 như sau:**

“Điều 19. Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam

1. Người khai thác tàu bay, người vận chuyển hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi chung là người đề nghị cấp phép bay) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam hoặc thư điện tử; fax; AFTN hoặc SITA đến địa chỉ thư điện tử của Phòng Vận tải hàng không, Cục Hàng không Việt Nam: atd@caa.gov.vn. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sơ đồ bay (chỉ dùng đối với chuyến bay hoạt động hàng không chung quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay).

2. Cục Hàng không Việt Nam cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam quy định tại điểm c khoản 2 Điều 81 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. Thời hạn đề nghị cấp, sửa đổi phép bay quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 17 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay.

Cục Hàng không Việt Nam xem xét, thông báo phép bay hoặc từ chối cấp phép bay cho người đề nghị bằng văn bản hoặc thư điện tử; fax; AFTN hoặc SITA trong thời hạn:

a) Mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay quốc tế thường lệ đến và đi từ lãnh thổ Việt Nam; chuyến bay nội địa thường lệ;

b) Năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay thử nghiệm, biểu diễn, thao diễn; chuyến bay phục vụ nghiên cứu khoa học, kinh tế quốc dân, hoạt động văn hóa, thể thao;

c) Ba (03) ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay quốc tế thuê chuyến, tăng chuyến đến và đi từ Việt Nam; chuyến bay của tàu bay công vụ nước ngoài không phải là: chuyến bay thử nghiệm, biểu diễn, thao diễn;

chuyến bay phục vụ nghiên cứu khoa học, kinh tế quốc dân, hoạt động văn hóa, thể thao;

d) Hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay hạ cánh kỹ thuật tại Việt Nam; chuyến bay được thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam; chuyến bay được thực hiện theo hợp đồng thuê, mua, bán tàu bay; chuyến bay chuyển sân bay quốc tế; chuyến bay phục vụ nhu cầu riêng của cơ quan, tổ chức, cá nhân; chuyến bay vì mục đích nhân đạo; chuyến bay hoạt động hàng không chung khác;

đ) Mười hai (12) giờ, kể từ thời điểm nhận đơn đề nghị đối với trường hợp chuyến bay nội địa chuyên sân; chuyến bay kiểm tra kỹ thuật;

e) Cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm trả lời ngay cho người nộp đơn đề nghị đối với trường hợp chuyến bay trong tình thế cấp thiết liên quan đến an ninh quốc gia; chuyến bay chuyên chở thợ máy, động cơ, trang bị, thiết bị phục vụ, sửa chữa tàu bay hỏng hóc hoặc vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện của tàu bay bị hỏng hóc; chuyến bay tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu, y tế, cứu hộ; chuyến bay của tàu bay công vụ Việt Nam.”.

11. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“**Điều 20.** Cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng

1. Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam gửi văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam hoặc thông qua hệ thống bưu điện; thư điện tử; fax; điện văn AFTN (mạng thông tin liên lạc chuyên ngành) đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong văn bản đề nghị. Thời hạn đề nghị cấp, sửa đổi phép bay quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 17 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam xem xét, cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam trong thời hạn được quy định khoản 8 Điều 17 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay:

a) Mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đối với trường hợp chuyến bay quốc tế thường lệ qua vùng trời Việt Nam;

b) Bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay thử nghiệm; chuyến bay phục vụ nghiên cứu khoa học, kinh tế quốc dân, hoạt động văn hóa, thể thao;

c) Năm (05) ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đối với trường hợp chuyến bay của tàu bay công vụ nước ngoài không phải là: chuyến bay thử nghiệm, biểu diễn, thao diễn; chuyến bay phục vụ nghiên cứu khoa học, kinh tế quốc dân, hoạt động văn hóa, thể thao;

d) Hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay không thường lệ qua vùng trời Việt Nam; chuyến bay chuyển sân bay quốc tế; chuyến bay phục vụ nhu cầu riêng của cơ quan, tổ chức, cá nhân; chuyến bay vì mục đích nhân đạo;

đ) Mười hai (12) giờ, kể từ thời điểm nhận văn bản đề nghị đối với trường hợp chuyến bay kiểm tra kỹ thuật;

e) Cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm trả lời ngay cho người nộp văn bản đề nghị đối với trường hợp chuyến bay trong tình thế cấp thiết liên quan đến an ninh quốc gia; chuyến bay chuyên chở thợ máy, động cơ, trang bị, thiết bị phục vụ sửa chữa tàu bay hỏng hóc hoặc vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện của tàu bay bị hỏng hóc; chuyến bay tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu, y tế, cứu hộ; chuyến bay sửa đổi các nội dung sau đây của phép bay: đường hàng không, điểm bay ra, bay vào vùng trời Việt Nam; thay đổi tàu bay vì lý do phi thương mại; thay đổi sân bay cất cánh, hạ cánh ngoài lãnh thổ Việt Nam đối với các chuyến bay qua vùng trời Việt Nam.

3. Trường hợp Đơn đề nghị cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam chưa đầy đủ theo quy định, căn cứ vào thời hạn như được nêu tại khoản 2 Điều này kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, ngày đến ghi trên bản FAX, điện văn AFTN, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hoặc điện văn AFTN đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.”.

12. Hủy Điều 21

“Hủy Điều 21 Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.”.

13. Bổ sung 11 Phụ lục như sau:

“1. Phụ lục I: Mẫu đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện và/hoặc văn phòng bán vé.

2. Phụ lục II: Mẫu đề nghị đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

3. Phụ lục III: Mẫu đề nghị đăng ký hợp đồng chỉ định đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài.

4. Phụ lục IV: Mẫu đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình).

5. Phụ lục V: Mẫu đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài).

6. Phụ lục VI: Mẫu đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không.

7. Phụ lục VII: Mẫu đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.

8. Phụ lục VIII: Mẫu đề nghị phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đi, đến Việt Nam.

9. Phụ lục IX: Mẫu văn bản xin phép bay thực hiện chuyến bay không thường lệ.

10. Phụ lục X: Mẫu văn bản xin phép thực hiện chuyến bay quá cảnh.

11. Phụ lục XI: Mẫu văn bản đề nghị của tổ chức.”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ/HOẶC VĂN PHÒNG BÁN VÉ

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của hãng hàng không:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:, Email: Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tóm tắt quá trình hoạt động của hãng hàng không:.....

.....

.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và/hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....

Do: cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không

(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-

-

-

Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN CHO
HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:, Email: Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

Giữa

Tên Công ty

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày..... tháng..... năm.....

do cấp với ngành nghề

Và

Tên hãng hàng không

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và phạm vi hoạt động đại diện được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty

(ghi rõ chức danh cụ thể

ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-

-

-

Phụ lục III

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHỈ ĐỊNH ĐẠI LÝ BÁN VÉ
CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:, Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định đại lý bán vé máy bay số..... ký ngày.... tháng..... năm.....

Giữa

Tên Công ty

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày..... tháng..... năm.....

do cấp với ngành nghề

Và

Tên hãng hàng không

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng không của thương nhân tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-

-

-

Phụ lục IV

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP

*(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam
đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình)*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:....., Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam (nêu rõ tên tổ chức, cá nhân).

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-
-
-

Phụ lục V

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP

*(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam
đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho tổ chức, cá nhân cung ứng
dịch vụ giao nhận nước ngoài)*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:.....Fax:....., Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đã hoàn thành thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận ký ngày ...tháng... năm.....

Giữa

Tên Công ty

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số: ngày/...../.....

do cấp với ngành nghề.....

Và

Tên doanh nghiệp giao nhận nước ngoài

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty

(ghi rõ chức danh cụ thể)

Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-

-

-

Phụ lục VI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của hãng hàng không:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay..... do..... cấp ngày.....

Điện thoại:..... Fax:, Email: Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp quyền khai thác thương mại vận chuyển hàng không với các điều kiện về:

- Hãng hàng không;

- Đường bay; tàu bay khai thác;
- Chuyến bay và đối tượng vận chuyển;
- Kế hoạch bay dự kiến.

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không được cấp.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không
(Ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HỢP ĐỒNG HỢP TÁC LIÊN QUAN
TRỰC TIẾP ĐẾN QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của hãng hàng không:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Điện thoại:..... Fax:, Email: Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không ký ngày... tháng... năm...

Giữa (nêu tên Hãng hàng không, trụ sở chính):

Và: (nêu tên Hãng hàng không, trụ sở chính):

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Điều 113 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Điều 16 Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28/10/2009 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không
(Ghi rõ chức danh cụ thể) ký tên, đóng dấu

Các tài liệu kèm theo:

-

-

-

Phụ lục VIII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT GIÁ CƯỚC VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG
TRÊN ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ ĐI, ĐẾN VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của hãng hàng không:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đi, đến Việt Nam của hãng hàng không với Bảng giá cước và điều kiện áp dụng được gửi kèm theo văn bản này./.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không

(Ghi rõ chức danh cụ thể)

Ký tên, đóng dấu

Phụ lục IX

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

APPLICATION FOR LANDING PERMIT**Non-Scheduled Flight(s)**

Mẫu văn bản dùng cho các hãng hàng không nước ngoài

Date:.....
Reference No.:.....
1. Carrier/Operator:
- Name:.....
- Contact address (Postal and SITA/AFTN/TEL/FAX/Email):.....
2. Aircraft:
- Type:
- Nationality and Registration mark:
- Maximum Take-Off Weight (MTOW):.....
3. Itinerary: Date(s) of flight(s) Flight(s) Number From/ETD ¹ To/ETA ¹
.....
4. Air traffic service routes including entry/exit points within Flight Information Regions of Viet Nam and estimated time over (ETO) ² entry/exit points; flight level/altitude:.....
5. Communication, navigation equipments; frequencies of radio communication:.....
6. Pilot in command:
- Name:
- Nationality:
7. Purpose of flight(s).....
8. Configuration/payload of aircraft:.....
9. Number of passengers or tonnages and nature of cargo transported:.....

10. Flight chart within Flight Information Regions of Viet Nam attached (for flights operated outside control area of civil aviation).

11. Applicant:

- Contact address (Postal and SITA/AFTN/TEL/FAX/Email):.....

- Name; Signature; Title:

Note:

1. Three letter code of airport and local time.

2. UTC time.

**VĂN BẢN XIN PHÉP BAY THỰC HIỆN CHUYỂN BAY
KHÔNG THƯỜNG LỆ**

Mẫu văn bản dùng cho các hãng hàng không Việt Nam

Ngày:			
Số tham chiếu:.....			
1. Người vận chuyển/Người khai thác:			
- Tên:.....			
- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện và SITA/AFTN/thư điện tử/điện thoại/Fax)			
2. Tàu bay:			
- Loại tàu bay:.....			
- Quốc tịch, số đăng ký:.....			
- Trọng tải cất cánh tối đa:.....			
3. Hành trình:			
Ngày tháng	Số hiệu chuyến bay	Sân bay đi/giờ dự kiến cất cánh ¹	Sân bay đến/giờ dự kiến hạ cánh ¹
.....
4. Đường hàng không bao gồm điểm bay vào, bay ra vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam và giờ dự kiến bay qua điểm bay vào, bay ra ² ; độ cao/mức bay:.....			
5. Phương tiện thông tin, dẫn đường và dải tần số liên lạc:.....			
6. Người chỉ huy tàu bay:			
- Tên:			
- Quốc tịch:.....			
7. Mục đích chuyến bay:.....			
8. Số lượng ghế hoặc trọng tải cung ứng của tàu bay:.....			
9. Số lượng hành khách hoặc trọng lượng và chủng loại hàng hóa chuyên chở:			

10. Sơ đồ bay trong vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam (đôi với các chuyến bay hoạt động ngoài khu vực kiểm soát của HKDD), gửi kèm theo.

11. Người xin phép bay:

- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện và SITA/AFTN/thư điện tử/số điện thoại, Fax):.....

- Tên, chức vụ, chữ ký:.....

Ghi chú:

1. Mã hiệu 3 chữ của sân bay, giờ địa phương.
2. Giờ UTC.

Mẫu văn bản dùng cho các hãng hàng không nước ngoài**Application for Summer/Winter Schedules**

Date:
Reference No.:
1. Carrier/Operator:
- Name:
- Contact address (postal and SITA/AFTN/TEL/FAX/Email address):
2. Schedules:

Flight Number	Effective from	Effective to	Day(s) of services	Departure Airport ¹	ETD ²	Arrival Airport ¹	ETA ²	Aircraft type	Configuration/ Payload of aircraft

3. Air traffic service routes:

Flight number	Aircraft Type	ATS Routes ³	Entry Point/ Estimated time over (ETO) ⁴	Exit point/ Estimated time over (ETO) ⁴	Flight Level	Flight Rule ⁵

4. Aircraft ⁶; communication, navigation equipments; frequencies of radio communication:

Aircraft Type	Registration marks	Maximum Take-Off Weight	Communication navigation equipments	Frequencies of radio communication

5. Applicant:

- Contact address (postal and SITA/AFTN/TEL/FAX/Email address):.....

- Name; signature; title:.....

Note:

1. Three letter code.

2. Local time.

3. Within Flight Information Regions of Viet Nam.

4. UTC time.

5. IFR or VFR.

6. Only aircraft operated in schedules to/from and within Viet Nam.

Phụ lục X

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN XIN PHÉP THỰC HIỆN CHUYỂN BAY QUÁ CẢNH

Ngày:.....

Số tham chiếu:.....

1. Người khai thác:

- Tên:.....

- Địa chỉ liên lạc (Địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/ Điện thoại/Fax):

.....

2. Tàu bay:

- Loại tàu bay:.....

- Quốc tịch, số đăng ký:.....

- Trọng tải cất cánh tối đa:.....

- Tên gọi thoại (nếu không có số hiệu chuyến bay):.....

3. Hành trình:

* Đối với chuyến bay thường lệ:

Số hiệu chuyến bay	Hiệu lực từ ngày/tháng/năm	Hiệu lực đến ngày/tháng/năm	Ngày khai thác trong tuần	Sân bay đi/ giờ dự kiến cất cánh	Sân bay đến/ giờ dự kiến hạ cánh
.....
.....

* Đối với chuyến bay không thường lệ:

Ngày tháng	Số hiệu chuyến bay	Sân bay đi/giờ dự kiến cất cánh	Sân bay đến/giờ dự kiến hạ cánh
.....
.....

4. Đường hàng không:

- Tên đường hàng không, điểm bay vào/giờ bay qua; điểm bay ra/giờ bay qua:
- Độ cao/mức bay:

5. Kiểu loại phương tiện thông tin, dẫn đường, giám sát trên tàu bay:

6. Mục đích chuyến bay: (Số lượng hành khách/trọng lượng và chủng loại hàng hóa chuyên chở):

7. Sơ đồ bay trong vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam (chỉ yêu cầu đối với hoạt động bay ngoài đường hàng không).

8. Địa chỉ thanh toán: (nếu có khác biệt với địa chỉ của người khai thác)

- Tên:
- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/ Điện thoại/Fax):

9. Người xin phép bay: (nếu có khác biệt với địa chỉ của người khai thác)

- Tên:
- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/Điện thoại/Fax):

Ghi chú:

- Thời gian được tính là hai mươi bốn (24) giờ trong ngày và là giờ quốc tế (UTC)
- Mã hiệu sân bay: Mã hiệu 4 chữ của Tổ chức Hàng không dân dụng Quốc tế (ICAO).

Người xin phép bay
(Tên, chức vụ, chữ ký)

Phụ lục XI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn).....

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị)
....., (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) đề nghị (tên cơ quan/
đơn vị nhận công văn) xem xét, giải quyết/thông báo một số nội
dung sau:

- 1.
- 2.
3. (các nội dung đề nghị xem xét, giải quyết/thông báo)

.....

.....

* Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan/đơn vị; thư điện tử, người được giao
nhiệm vụ để liên hệ làm việc với cơ quan/đơn vị nhận công văn.

Trân trọng cảm ơn./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- ...

- ...

- Lưu ...

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.